

Số: 39/2021/QĐST-HNGĐ

A, ngày 09 tháng 11 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 13/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm: 1992

Địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện T1, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm: 1986

Địa chỉ: Thôn B, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 11 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 11 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Lê Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ con chung: Giao người con chung tên Lê Trần Bích D, sinh ngày: 17/02/2014 cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi

trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ từ tháng 11/2021 cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người đó.

Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn hoặc về mức cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh T không yêu cầu giải quyết.

2.3. Về án phí: Chị Trần Thị H tự nguyện chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004914 ngày 13/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

2.4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Huỳnh Thị Kiều Oanh